

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2024/DS-ST

Ngày: 12- 6 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Đoàn Thị Bầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Đa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn H; Sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Số 233, đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh M. Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 145, T, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh M. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ; Sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Số 242, đường L, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh M. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 233, đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh M. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Hoa trình bày:

Vào ngày 12/5/2019 vợ chồng ông Vũ Văn H, bà Võ Thị L có cho ông Nguyễn Tấn Đ vay số tiền là 1.000.0000.000đồng (một tỷ đồng), lãi suất thỏa

thuận tại thời điểm vay là 3%/tháng, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng. Ông Đ có viết giấy vay tiền đề ngày 12/5/2019. Sau khi vay ông Đ có trả tiền cho vợ chồng ông H nhưng mới trả tiền vốn, chưa trả lãi. Tính đến ngày 20/11/2020 ông Đ đã trả cho vợ chồng ông H hết tiền nợ gốc là 1.000.0000.000đồng. Ông Đ còn nợ lại số tiền lãi là 200.000.000đồng. Tại biên nhận nợ đề ngày 20/11/2020 ông Đ cam kết chậm nhất đến hết tháng 12/2020 sẽ hoàn trả đủ số tiền nợ lãi 200.000.000đồng. Tuy nhiên, ông H, bà L có nhiều lần yêu cầu nhưng ông Đ không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận.

Số tiền nợ 200.000.000đồng là tiền lãi của nợ vốn gốc 1.000.000.000đồng tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày 20/11/2020 với mức lãi suất 1.1%/tháng.

Nay ông Vũ Văn H yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ trả cho vợ chồng ông số tiền lãi còn nợ là 200.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Vào tháng 5/2019 ông có vay của vợ chồng bà L, ông H số tiền 1.000.000.000đồng để kinh doanh. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, tuy nhiên thực tế ông thanh toán lãi là 9%/tháng. Tại phiên tòa, ông xác định thực tế ông đã thanh toán với mức lãi là 6%/tháng.

Quá trình giao dịch vay tiền giữa ông với vợ chồng ông H, bà L. Ông đã chuyển tiền thanh toán lãi từ 03 tài khoản của ông cho một tài khoản của bà Võ Thị L. Cụ thể các tài khoản của ông gồm:

- Tài khoản 78810000045614 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi đứng tên Nguyễn Tấn Đ.

- Tài khoản 78010000160609 mở tại Ngân hàng TMMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau đứng tên Nguyễn Tấn Đ.

- Tài khoản 123704070005141 mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (chi nhánh Cà Mau) đứng tên Nguyễn Tấn Đ.

Chuyển vào tài khoản của bà Võ Thị L số tài khoản là 78010000011345 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau.

Cụ thể các lần chuyển tiền như sau:

- * Từ tài khoản 78810000045614 ông đã chuyển cho bà L:

- Ngày 28/6/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 20.000.000đồng.
- Ngày 28/6/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 10.000.000đồng.
- Ngày 07/11/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng.
- Ngày 21/12/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng.
- Ngày 21/12/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 20.000.000đồng.
- Ngày 15/11/2020 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 100.000.000 đồng.

- * Từ tài khoản 78010000160609 ông đã chuyển cho bà L:

- Ngày 22/11/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng.
- Ngày 30/12/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 30.000.000đồng.
- Ngày 11/01/2020 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 07/03/2020 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng.
- Ngày 20/4/2020 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 250.000.000đồng.
- * Từ tài khoản 123704070005141 ông đã chuyển cho bà L:
- Ngày 14/10/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng
- Ngày 25/10/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng
- Ngày 06/12/2019 ông chuyển vào tài khoản bà L số tiền 50.000.000đồng.

Toàn bộ số tiền ông chuyển khoản trên chỉ là để trả lãi cho vợ chồng bà L, ông H. Trong năm 2019 ông đã thanh toán được tiền lãi là 380.000.000 đồng. Trong năm 2020 ông đã thanh toán được tiền lãi 500.000.000đồng. Trước ngày 20/11/2020 ông đã thanh toán đủ hết nợ gốc 1.000.000.000đồng, thời điểm này bà L cho rằng ông còn nợ lãi trên 300.000.000đồng thì ông không đồng ý thanh toán lãi nhưng bà L dùng nhiều biện pháp đe dọa, gây áp lực nên ông đồng ý viết biên nhận nợ số tiền lãi 200.000.000đồng. Thời điểm này bà L có hứa khi nào có tiền thì trả, bà L không yêu cầu.

Từ sau thời điểm viết biên nhận ngày 20/11/2020 thì ông có chuyển trả cho bà L số tiền 50.000.000đồng, tuy nhiên ông không nhớ đã đưa tiền mặt hay chuyển qua kênh, tài khoản ngân hàng nào do đó không cung cấp được cho Tòa án. Từ thời điểm đó đến nay ông không chuyển thêm số tiền nào nữa.

Ngoài thực hiện giao dịch số tiền vay 1.000.000.000đồng thì cùng thời điểm năm 2019, 2020 và trước năm 2019 thì giữa ông với vợ chồng ông H, bà L còn thực hiện một số giao dịch vay tiền khác (ông là người vay) nhưng đã thanh toán xong, không liên quan đến khoản nợ nguyên đơn yêu cầu.

Nay ông xác định giao dịch vay tiền giữa ông với vợ chồng ông H chủ yếu là tiền mặt, ở thời điểm chuyển khoản này là do thời điểm dịch Covid nên đã chuyển khoản. Như vậy, ông đã thanh toán cho vợ chồng ông H, bà L số tiền lãi nhiều hơn so với lãi suất quy định nên không đồng ý thanh toán theo yêu cầu nguyên đơn.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Võ Thị L trình bày:

Số tài khoản 78010000011345 mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau là tài khoản của bà. Do giữa bà với ông Đ có thực hiện nhiều giao dịch vay tiền nên bà không nhớ rõ. Tuy nhiên, nếu ông Đ sao kê từ tài khoản Ngân hàng đúng số tài khoản của bà thì bà thống nhất số tiền tiền ông Đ đã chuyển. Ông Đ cho rằng tiền đã chuyển thanh toán là tiền lãi là không đúng, đó là tiền vốn ông Đ chuyển trả vợ chồng bà. Bà không nhận tiền trả tiền mặt nào từ phía ông Đ. Quá trình trả tiền vay của ông Đ toàn bộ là chuyển khoản cho bà. Do mối quan hệ khách hàng vì ông Đ là nhân viên Ngân hàng nên giữa vợ chồng bà với ông Đ có nhiều giao dịch vay tiền trước năm 2019. Từ ngày 12/5/2019 (thời điểm viết biên nhận) đến nay thì giữa vợ chồng bà với ông Đ chỉ thực hiện giao dịch vay số tiền 1.000.000.000đồng, ngoài ra không thực hiện giao dịch vay tiền nào khác. Ngày 12/5/2019, ông Đ vay của vợ chồng bà số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, quá trình vay ông Đ chưa thanh toán được khoản tiền

lãi nào. Tuy nhiên, ông Đ có thanh toán được số tiền vốn 980.000.000đồng qua hình thức chuyển khoản dần nhiều lần. Sau đó đến ngày 20/11/2020 giữa các bên ngồi lại chốt số tiền nợ lãi thì đối với nợ gốc còn lại 20.000.000đồng vợ chồng bà đồng ý giảm cho ông Đ nhưng số tiền lãi còn nợ thì ông Đ với vợ chồng bà chốt lại tiền lãi tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày viết biên nhận là 20/11/2020 (hơn 18 tháng), lãi suất 1.12%/tháng bằng số tiền 200.000.000đồng, khi đó ông Đ viết biên nhận nợ lãi cho vợ chồng bà và hứa hẹn chậm nhất tháng 12/2020 sẽ thanh toán đủ nhưng sau đó không thực hiện.

Do số tiền vốn vay là tài sản chung của vợ chồng nên nay bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Vũ Văn H, yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ thanh toán cho vợ chồng bà số tiền lãi còn nợ là 200.000.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chưa thanh toán còn nợ là 200.000.000đồng. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự thống nhất giữa các bên có tiến hành giao dịch vay khoản tiền vốn vào ngày 12/5/2019 đối với số tiền là 1.000.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay các đương sự thống nhất đã thanh toán xong tiền vốn 1.000.000.000đồng. Hiện các đương sự chỉ còn tranh chấp nhau về nợ lãi còn phải thanh toán.

Trên cơ sở lời trình bày các bên và các tài liệu do các bên cung cấp có tại hồ sơ thể hiện: Ông Đ xác định số tiền ông đã chuyển khoản cho bà L từ ngày 28/6/2019 đến ngày 15/11/2020 như ông đã sao kê nộp cho Tòa án với tổng số tiền là 880.000.000đồng là tiền lãi thanh toán với mức lãi suất 6%/tháng, ngoài lời trình bày ông Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có thỏa thuận này, trong khi tại biên nhận nợ đối với khoản tiền vốn 1.000.000.000đồng thể hiện lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Đồng thời, tại các lần chuyển tiền ông Đ chuyển cho bà L, ông Đ cho rằng chuyển tiền thanh toán lãi theo phép tính của ông Đ xác định là 6%/tháng nhưng thời gian lại không có sự liên tục, số tiền chuyển cũng không cố định. Trong khi đó bà L xác định ông Đ chưa thanh toán khoản lãi nào cho vợ

chồng bà, số tiền chuyển trên ông Đ chuyển cho bà là để trả vốn, không phải trả lãi như ông Đ trình bày.

Mặc khác, tại biên nhận nợ đề ngày 20/11/2020 của ông Đ thừa nhận chữ ký và viết tại biên nhận trên là do ông viết và ký, có nội dung *“hôm nay ngày 20/11/2020 tôi tên Nguyễn Tấn Đ, địa chỉ: P1, TP Cà Mau. Ngày 12/5/2019 tôi có vay của ông Vũ Văn H tiền 1 tỷ đồng. Đến nay tôi đã trả hết nợ gốc. Tuy nhiên còn số tiền lãi 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) tôi chưa trả. Do kinh tế khó khăn nên đến nay tôi chưa trả được nợ lãi trên cho ông H. Tôi cam kết chậm nhất đến hết tháng 12/2020 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên”*. Tuy nhiên, ông xác định do bị bà L đe dọa, ép buộc gây áp lực đến nơi ông làm việc nên ông đồng ý viết biên nhận trên. Ngoài lời trình bày thì ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc đe dọa, ép buộc trên.

Xét lời trình bày của nguyên đơn cùng với biên nhận ngày 20/11/2020 thấy rằng: Số tiền lãi yêu cầu được tính trên số tiền vốn 1.000.000.000đồng kể từ ngày viết biên nhận 12/5/2019 đến ngày 20/11/2020 (làm tròn 18 tháng) với số tiền là 200.000.000đồng, tức 1.11%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi là 200.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với trình bày ông Đ về việc sau khi viết biên nhận ngày 20/11/2020 thì ông có thanh toán thêm số tiền 50.000.000đồng, tuy nhiên ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán trên do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét đối trừ khoản nợ trên cho ông.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H. Buộc ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Văn H, bà Võ Thị L tổng số tiền là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông H, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 10.000.000đồng (chưa nộp). Ông Vũ Văn H không phải chịu án phí, ngày

08/01/2024 ông H đã dự nộp số tiền 5.000.000đồng theo biên lai số 0007898 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu